

Bản án số: 01 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 11 năm 2023
V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Vân, ông Hà Văn Cương

- Thư ký phiên tòa:

Ông Bùi Quang Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:

Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị N - Sinh năm 1962; Nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn D - Sinh năm 1956; Nơi cư trú: Bản H, xã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 18/10/2023 và bản tự khai ngày 30/10/2023 nguyên đơn bà Đào Thị N trình bày:

Bà và ông Bùi Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 20 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong quá trình chung sống tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, do mâu thuẫn nên đã sống ly thân 16 năm. Nay bà thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với ông D nữa nên bà đề nghị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Bùi Thị H sinh ngày 18/12/1982, Bùi Văn Đ sinh ngày 18/12/1984, Bùi Văn L sinh ngày 15/10/1988 và Bùi Thị H sinh ngày 04/6/1990. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, nên không đề nghị giải quyết việc người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn ông Bùi Văn D trình bày:

Hiện nay bà Đào Thị N có nguyện vọng ly hôn ông, ông đồng ý ly hôn. Ông xác định vợ chồng có 04 con chung là Bùi Thị H sinh ngày 18/12/1982, Bùi Văn Đ sinh ngày 18/12/1984, Bùi Văn L sinh ngày 15/10/1988 và Bùi Thị H sinh ngày 04/6/1990, hiện nay các con đều đã trưởng thành. Về tài sản chung, không đề nghị giải quyết. Về nợ chung, không có.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật và các thủ tục. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin được xét xử vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; các Điều 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 55, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đào Thị N đối với ông Bùi Văn D. Xử cho bà Đào Thị N được ly hôn ông Bùi Văn D.

Về con chung: Do các con chung của bà N, ông D đều đã trưởng thành, nên không giải quyết về việc người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, nên không xem xét.

Về án phí: Bà Đào Thị N phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào bản khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Bà Đào Thị N khởi kiện đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn ông Bùi Văn D, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Xin ly hôn", xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn Bùi Văn D cư trú tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc không hoà giải: Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn đang chấp hành án phạt tù và có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hoà giải được, nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Các đương vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị N và ông Bùi Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Sau khi kết hôn bà N, ông D chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 20 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong quá trình chung sống tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, do mâu thuẫn nên đã sống ly thân 16 năm; hiện nay ông D vi phạm pháp luật đang phải chấp hành án phạt tù. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành lấy lời khai đối với ông D, ông D cũng nhất trí ly hôn, nhưng hiện nay ông D đang phải chấp hành hình phạt tù và có đơn xin không tiến hành hoà giải, nên Tòa án không thể tiến hành hoà giải được và phải đưa vụ án ra xét xử. Do vậy căn cứ vào tình trạng hôn nhân hiện nay và nguyện vọng của bà N, ý kiến của ông D, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, xét xử cho bà N được ly hôn ông D là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà N, ông D có 04 con chung là Bùi Thị H sinh ngày 18/12/1982, Bùi Văn Đ sinh ngày 18/12/1984, Bùi Văn L sinh ngày 15/10/1988 và Bùi Thị H sinh ngày 04/6/1990, hiện nay các con của ông bà đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết về người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không đề nghị giải quyết, nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, nên không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Đào Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 56, 57 Luật Hôn nhân Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đào Thị N đối với ông Bùi Văn D.

Xử cho bà Đào Thị Ngọc được ly hôn ông Bùi Văn Dẫn.

2. Về án phí: Bà Đào Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0000731 ngày 19/10/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Bà Đào Thị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát huyện Sông Mã;
- Chi cục THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã Chiềng Khoong;
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Toàn

